

Số: 1826/QĐ-ĐN5

Lâm Đồng, ngày 21 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp:
Chăm sóc vườn hoa, cây cảnh tại Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 và tại
Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV năm 2026.**

GIÁM ĐỐC CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 5 - TKV

Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-ĐLTKV ngày 03/02/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty điện lực TKV- CTCP về việc phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, chi nhánh của Tổng công ty điện lực TKV- CTCP;

Căn cứ Quyết định số 1590/QĐ-ĐN5 ngày 19/11/2024 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc ban hành Quy định về lựa chọn nhà cung cấp, hàng hóa, sản phẩm dịch vụ bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV;

Căn cứ biên bản cuộc họp ngày 30/7/2025 về Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 NMTĐ Đồng Nai 5 - TKV giữa Tổng công ty Điện Lực – TKV và Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV;

Căn cứ văn bản số 2256/ĐLTKV-KH ngày 07/8/2025 của Tổng công ty Điện lực – TKV về việc triển khai công tác đấu thầu LCNT cho hoạt động SXKD năm 2026;

Căn cứ văn bản số 2510/ĐLTKV-KH ngày 05/9/2025 của Tổng công ty Điện lực – TKV về việc triển khai thực hiện công tác phê duyệt dự toán, lựa chọn nhà thầu các gói thầu phục vụ hoạt động SXKD thường xuyên năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1657/QĐ-ĐN5 ngày 13/11/2025 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc phê duyệt phương án kỹ thuật Chăm sóc vườn hoa, cây cảnh tại Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 và tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV năm 2026;

Căn cứ báo cáo thẩm định dự toán: Chăm sóc vườn hoa, cây cảnh tại Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 và tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV năm 2026 của Tổ thẩm định ngày 20/11/2025;

Căn cứ báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Chăm sóc vườn hoa, cây cảnh tại Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 và tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV năm 2026 của Tổ thẩm định ngày 20/11/2025;

Theo đề nghị của Tổ chuyên gia tại Tờ trình ngày 17/11/2025 phê duyệt, dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Chăm sóc vườn hoa, cây cảnh tại Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 và tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV năm 2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Chăm sóc vườn hoa, cây cảnh tại Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 và tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV năm 2026 với nội dung như sau:

1. Tên dự toán: Chăm sóc vườn hoa, cây cảnh tại Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 và tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV năm 2026.
2. Thời gian thực hiện: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
3. Địa điểm thực hiện: Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5, xã Bảo Lâm 5, tỉnh Lâm Đồng và Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, số 10, đường Hoàng Văn Thụ, Phường 1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng
4. Giá trị dự toán: **547.403.551 đồng** (*Bằng chữ: Năm trăm bốn mươi bảy triệu, bốn trăm linh ba nghìn, năm trăm năm mươi một đồng*) Giá đã bao gồm các khoản thuế, phí lệ phí liên quan nhưng không bao gồm vật liệu phục vụ chăm sóc vườn hoa, cây cảnh). Chi tiết như phụ lục 1 đính kèm.
5. Kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Chi tiết như phụ lục 2 đính kèm.

Điều 2. Dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp được phê duyệt là căn cứ để tổ chức lựa chọn nhà cung cấp và các công tác khác có liên quan.

Điều 3. Giao cho phòng Kế hoạch Đầu tư – Vật tư, Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định tổ chức thực hiện lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ đúng theo quy định hiện hành và giao cho Phòng KTAT và Phân xưởng VH-SC thực hiện giám sát, nghiệm thu các công việc của gói cung cấp: Chăm sóc vườn hoa, cây cảnh tại Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 và tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV năm 2026 của nhà cung thực hiện gói cung cấp nêu trên.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các ông Phó giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng các phòng có liên quan trong Công ty căn cứ Quyết định thi hành./.



Nơi nhận:

- Như trên;
- Các PGĐ, KTT (e-copy)
- Tổ CG, Tổ TĐ;
- Trang Website TKV (để đăng tải);
- Trang Website ĐLTKV (để đăng tải);
- Lưu: VT, TCKT, KTAT, KHĐTVT, (TH02).

GIÁM ĐỐC

Trần Văn Tuấn

PHỤ LỤC 1. BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN

Chăm sóc vườn hoa, cây cảnh tại Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 và tại Công ty

Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV năm 2026

(Kèm theo Quyết định số 1826 /QĐ-ĐN5 ngày 21 tháng 11 năm 2025)

STT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Thành tiền	Ký hiệu	Ghi chú
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP				
1	Chi phí vật liệu	A1		VL	Bảng chiết tính
2	Chi phí nhân công	B1	399.731.830	NC	Bảng chiết tính
3	Chi phí máy và thiết bị thi công	M1+M2+M3	42.654.369	M	
	Chi phí trực tiếp	VL+NC+M	442.386.199	T	
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP				
1	Chi phí chung	T x 5,5%	24.331.241	C	TT số 11/2021/TT-BXD
2	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công	T x 1,1%	4.866.248	LT	TT số 11/2021/TT-BXD
3	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	T x 2%	8.847.724	TT	TT số 11/2021/TT-BXD
	Chi phí gián tiếp	C+LT+TT	38.045.213	GT	
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	(T+GT) x 5,5%	26.423.728	TL	TT số 11/2021/TT-BXD
	Chi phí xây dựng trước thuế	T+GT+TL	506.855.140	G	
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	G x 8%	40.548.411	GTGT	Nghị định số 72/2024/NĐ-CP
	Chi phí xây dựng sau thuế	G + GTGT	547.403.551	GXD	

Bằng chữ: Năm trăm bốn mươi bảy triệu, bốn trăm linh ba nghìn, năm trăm năm mươi một đồng./.

PHỤ LỤC SỐ 2: KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ CUNG CẤP

Chăm sóc vườn hoa, cây cảnh tại Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 và tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV năm 2026
(Kèm theo Quyết định số 1826 /QĐ-ĐN5 ngày 21 tháng 11 năm 2025)

STT	Tên gói cung cấp	Gía gói cung cấp	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà cung cấp	Phương thức lựa chọn nhà cung cấp	Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà cung cấp	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Chăm sóc vườn hoa, cây cảnh tại Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 và tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV năm 2026	547.403.551	Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026	Chào hàng cạnh tranh rút gọn theo quy định tại điểm a, Khoản 2, Điều 5 ban hành tại Quyết định số 1590/QĐ-ĐN5 ngày 19/11/2024	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Quý IV/2025	Trọn gói	12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
	Tổng cộng	547.403.551						

PHỤ LỤC 1.1. BẢNG DỰ TOÁN CHI TIẾT

Cung cấp dịch vụ quan trắc và dự báo khí tượng thủy văn Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 năm 2026

(Kèm theo Quyết định số 1826 /QĐ-ĐN5 ngày 21 tháng 11 năm 2025)

STT	Mã hiệu	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá			Thành tiền		
					Vật liệu	Nhân công	Máy thi công	Vật liệu	Nhân công	Máy thi công
I		Chăm sóc cây xanh, cảnh quan tại Nhà máy								
1	CX1.02.101	Phát thảm cỏ thuần chủng bằng máy	100m2	1.302,20		42.656	18.708	-	55.546.362	24.361.562
2	CX1.02.102	Phát thảm cỏ không thuần chủng bằng máy	100m2	1.101,24		31.771	13.961	-	34.987.743	15.374.637
3	CX.1.07.001	Bón phân thảm cỏ	100m2	434,07		26.476		-	11.492.351	-
4	CX2.06.001	Duy trì cây hàng rào, đường viền loại cây <1m	100m2	0,89		3.574.263		-	3.181.094	-
5	CX2.09.001	Duy trì cây cảnh trở hoa	100 cây	2,87		13.635.150		-	39.132.881	-
6	CX2.11.001	Duy trì cây cảnh tạo hình	100 cây	1,23		11.331.737		-	13.938.036	-
7	CX2.13.001	Thay đất, phân chậu cảnh	100 chậu	6,8		2.647.602		-	18.003.694	-
8	CX2.14.001	Duy trì cây cảnh trong chậu	100 chậu	6,8		8.472.326		-	57.611.820	-
9	CX3.03.001	Duy trì cây bóng mát loại 1	cây	248		119.142		-	29.547.238	-
10	CX3.05.001	Duy trì cây bóng mát loại 3	cây	1		1.532.667	143.689	-	1.532.667	143.689
II		Chăm sóc cây xanh, cảnh quan tại Trụ sở Công ty Thủy điện Đồng Nai 5						-	-	-
1	CX1.02.101	Phát thảm cỏ thuần chủng bằng máy	100m2	106,40		46.119	20.541	-	4.907.143	2.185.602
2	CX1.04.001	Làm cỏ tạp	100m2	106,40		95.418		-	10.152.710	-
3	CX1.05.001	Trồng dặm cỏ lá tre	m2	1.578		43.574		-	68.776.461	-
4	CX1.05.002	Trồng dặm cỏ lá nhung	m2	195		24.491		-	4.775.656	-
5	CX2.04.001	Bón phân và xử lý đất bồn hoa	100m2	34,03		95.736		-	3.257.658	-
6	CX2.06.001	Duy trì cây hàng rào, đường viền loại cây <1m	100m2	0,36		3.864.417		-	1.391.190	-
7	CX2.09.001	Duy trì cây cảnh trở hoa	100 cây	0,61		14.742.035		-	8.992.641	-
8	CX2.11.001	Duy trì cây cảnh tạo hình	100 cây	1,17		12.251.633		-	14.334.410	-
9	CX2.13.001	Thay đất, phân chậu cảnh	100 chậu	0,36		2.862.531		-	1.030.511	-
10	CX2.14.001	Duy trì cây cảnh trong chậu	100 chậu	0,36		9.160.099		-	3.297.636	
11	CX3.03.001	Duy trì cây bóng mát loại 1	cây	56		128.814		-	7.213.578	-
12	CX3.04.001	Duy trì cây bóng mát loại 3	cây	4		1.657.087	147.220	-	6.628.350	588.879
		Tổng cộng						-	399.731.830	42.654.369